



lù zhàng

路障

noun · roadblock

Example Sentences

qián fāng yǒu lù zhàng chē liàng xū yào rào xíng
前方有路障，车辆需要绕行。

There is a roadblock ahead; vehicles need to detour.

jīng chá shè zhì le lù zhàng lái jiǎn chá chē liàng
警察设置了路障来检查车辆。

The police set up a roadblock to check vehicles.

Trace each character, then write the word on your own.

路	路	路	路	路	路	路	路	路	路	路
路	路	路	路	路						
障	障	障	障	障	障	障	障	障	障	障
障	障	障	障	障						